

Án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 -5 - 2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và bà Đồng Thị Vân Anh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên:

Ông Vũ Đại Dương- Kiểm sát viên

Ngày 28/5/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 63/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1967, có mặt

Địa chỉ: TDP T, phường P, TP Sông Công, Thái Nguyên

Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1970, vắng mặt

Địa chỉ: Xóm M, xã T, thành phố Sông Công, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Ông và bà Dương Thị H kết hôn năm 1995 đăng ký tại UBND xã Cải Đan, thị xã Sông Công (nay là phường Cải Đan, TP Sông Công) Thái Nguyên. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống đến tháng 3/1996 thì xảy ra mâu thuẫn, bà H bỏ về nhà mẹ đẻ sống tại xóm M, xã T. Vợ chồng ông sống ly thân không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận lời trình bày của ông T về năm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng. Vợ chồng bà sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn không sống cùng nhau nữa. Năm 1996 bà bỏ về nhà mẹ đẻ sống tại xóm M, xã T, vợ chồng bà sống ly thân từ đó không còn quan hệ tình cảm, chăm sóc nhau nữa. Nay ông T làm đơn xin ly hôn bà cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà H khai giữa bà và ông T có một con chung là Dương Thị Nhung, sinh ngày 22/01/2008. Khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con chung và đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thống nhất được với nhau về con chung. Bà H xác định giữa bà và ông T có con chung là cháu Dương Thị Nhung, sinh ngày 22/01/2008. Ông T không chấp nhận vì cho rằng giữa ông và bà H đã sống ly thân từ năm 1996 không còn quan hệ tình cảm nên không thể có con chung được.

Ngày 22/4/2021 ông T có đơn đề nghị Tòa án đi xét nghiệm ADN để xác định huyết thống giữa ông và cháu Dương Thị Nhung có phải là cha con hay không. Ngày 04/5/2021 tại Phiếu kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm phân tích ADN và Công nghệ di truyền tại địa chỉ Số 445 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội xác định: cháu Dương Thị Nhung không phải là con ông Đinh Văn T.

Tòa án nhân dân thành phố Sông Công đã thông báo cho các đương sự biết về kết quả xét nghiệm ADN trên. Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu tại bản tự khai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền và quan hệ tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng bị đơn không có mặt để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn với bà H.
- Về con chung: Xác định cháu Dương Thị Nhung, sinh ngày 22/01/2008 không phải là con của ông Đinh Văn T. Ông T, bà H không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đinh Văn T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là bà Dương Thị H. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại xóm M, xã T, Tp Sông Công, Thái Nguyên, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho bà H theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015, nhưng bà H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H kết hôn năm 1995, đăng ký tại UBND xã Cải Đan, thị xã Sông Công (nay là phường Cải Đan, thành phố Sông Công) Thái Nguyên, kết hôn là tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống ông và bà H xảy ra mâu thuẫn nên bà H bỏ về nhà mẹ đẻ tại xóm M, xã T sống từ năm 1996, từ đó ông T và bà H sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Có thể thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn bà H là phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Qua kết quả xét nghiệm ADN xác định ông T, bà H không có con chung. Do đó không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đinh Văn T, cho ông Đinh Văn T được ly hôn bà Dương Thị H.
2. Về con chung: Kết quả xét nghiệm ADN xác định cháu Dương Thị Nhung, sinh ngày 22/01/2008 không phải là con của ông Đinh Văn T. Ông Đinh Văn T và bà Dương Thị H không có con chung.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có
4. Về án phí: Ông Đinh Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được trừ từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001408 ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- THADS TPSC TN;
- UBND nơi ĐKKH;
- P.Cải Đan, TPSC TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Lan Anh

